THỰC TRẠNG THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 3 THEO PHƯƠNG THỨC TRẢI NGHIỆM TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THỊ NUÔI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Lâm Tuyết Ngọc
Học viên Cao học Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
Dương Trần Bình
Trường Tiểu học Chi Lăng, phường Thông Tây Hội, TPHCM

Tóm tắt: *Trong bối cảnh triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh (HS) là yêu cầu cấp thiết, trong đó dạy học trải nghiệm đặc biệt phù hợp với bậc tiểu học. Bài báo trình bày kết quả khảo sát 19 giáo viên và 215 học sinh lớp 3 tại Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi (Thành phố Hồ Chí Minh) về thiết kế kế hoạch bài dạy (KHBD) và tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội (TN&XH) theo phương thức trải nghiệm. Kết quả cho thấy: giáo viên (GV) đã tiếp cận và áp dụng nhưng chưa thường xuyên, còn lệ thuộc vào bài soạn mẫu; HS hứng thú cao với hoạt động thực tế và thí nghiệm nhưng ít cơ hội tham gia; khó khăn chủ yếu là hạn chế về thời gian, cơ sở vật chất và tài liệu hướng dẫn; 100% GV mong muốn có KHBD trải nghiệm cụ thể, khả thi. Kết quả khảo sát phản ánh khoảng trống giữa lý luận và thực tiễn, đồng thời khẳng định sự cần thiết xây dựng quy trình và giải pháp thiết kế KHBD môn TN&XH lớp 3 theo phương thức trải nghiệm.*

Từ khóa: *Dạy học trải nghiệm; phương thức trải nghiệm, kế hoạch bài dạy; môn Tự nhiên và Xã hội.*

CURRENT SITUATION OF LESSON PLAN DESIGN AND ORGANIZATION OF TEACHING THE SUBJECT "NATURAL AND SOCIAL SCIENCES" GRADE 3 THROUGH EXPERIENTIAL LEARNING AT NGUYEN THI NUOI PRIMARY SCHOOL, HO CHI MINH CITY

Nguyen Lam Tuyet Ngoc
Graduate Student, Ho Chi Minh City University of Education
Duong Tran Binh
Chi Lang Primary School, Thong Tay Hoi Ward, Ho Chi Minh City

Abstract: *In the context of implementing the 2018 General Education Curriculum, the innovation of teaching methods towards developing students' competencies and qualities has become an urgent requirement, in which experiential learning is particularly suitable for primary education. This article presents the results of a survey conducted with 19 teachers and 215 third-grade students at Nguyen Thi Nuoi Primary School (Ho Chi Minh City) on the design of lesson plans and the organization of teaching the subject Natural and Social Sciences through experiential learning. The findings reveal that teachers have approached and applied experiential learning but not on a regular basis, and still rely heavily on sample lesson plans. Students show great interest in practical activities and experiments but have limited opportunities to participate. The main difficulties lie in time constraints, inadequate facilities, and lack of instructional materials. Notably, 100% of teachers expressed the need for specific and feasible experiential lesson plans. The survey results highlight the gap between theory and practice, while affirming the necessity of developing processes and solutions for designing lesson plans in Natural and Social Sciences Grade 3 through experiential learning.*

Keywords*: experiential learning; lesson plan; teaching method; Natural and Social Sciences.*

Nhận bài: 16/08/2025 *Phản biện: 16/09/2025* *Duyệt đăng: 20/09/2025*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu thế đổi mới giáo dục hiện nay, việc chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận phát triển năng lực là định hướng trọng tâm của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Để hiện thực hóa định hướng này, các phương pháp dạy học tích cực, trong đó có dạy học trải nghiệm, ngày càng được quan tâm và triển khai. Phương thức trải nghiệm giúp HS gắn kết tri thức với trải nghiệm thực tiễn, từ đó phát triển phẩm chất và năng lực cần thiết.

Môn TN&XH lớp 3 giữ vai trò nền tảng trong việc giúp HS hình thành và phát triển năng lực quan sát, tìm hiểu thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh. Nội dung môn học gắn liền với đời sống thực tiễn, phù hợp để tổ chức các hoạt động trải nghiệm đa dạng như quan sát thực tế, làm thí nghiệm, trò chơi học tập,... Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc triển khai dạy học theo phương thức trải nghiệm trong môn học này vẫn còn nhiều hạn chế.

Một số nghiên cứu chỉ ra rằng nhiều GV tiểu học còn lúng túng khi thiết kế hoạt động trải nghiệm, chủ yếu do thiếu thời gian, cơ sở vật chất và tài liệu hướng dẫn cụ thể. Trong khi đó, HS lại bày tỏ sự hứng thú cao với các hoạt động gắn với thực tiễn nhưng ít có cơ hội tham gia. Khoảng cách giữa nhu cầu của người học và năng lực tổ chức của giáo viên đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu, đánh giá thực trạng để có giải pháp phù hợp.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được tiến hành nhằm khảo sát thực trạng thiết kế KHBD và tổ chức dạy học môn TN&XH lớp 3 theo phương thức trải nghiệm tại trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả sẽ góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc thiết kế KHBD theo phương thức trải nghiệm, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học trong giai đoạn hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát: Khảo sát thực trạng thiết kế KHBD và tổ chức dạy học TN&XH cho HS lớp 3 theo phương thức trải nghiệm trên 19 GV đã và đang giảng dạy ở khối lớp 3 và 215 HS khối 3 ở trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa bàn khảo sát: Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian khảo sát: Khảo sát thực trạng thiết kế KHBD và tổ chức dạy học TN&XH cho HS lớp 3 theo phương thức trải nghiệm vào học kỳ II năm học 2024 – 2025.

2.1.2. Nội dung khảo sát

Khảo sát về thực trạng của việc thiết kế KHBD môn TN&XH lớp 3 theo phương thức trải nghiệm.

Khảo sát về thực trạng dạy học môn TN&XH lớp 3 theo phương thức trải nghiệm .

Khảo sát về thực trạng nhu cầu sử dụng KHBD môn TN&XH lớp 3 theo phương thức trải nghiệm trong dạy học.

2.1.3. Phương pháp khảo sát và xử lí số liệu thực trạng

Để có được những thông tin và số liệu chính xác nhất về thiết kế KHBD và tổ chức dạy học TN&XH cho HS lớp 3 theo phương thức trải nghiệm tại trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi, nghiên cứu sử dụng kết hợp nhiều phương pháp thu thập dữ liệu:

Phương pháp Anket: Phát phiếu khảo sát đến 19 GV và 215 HS. Tỷ lệ thu về hợp lệ đạt 100%.

Phương pháp phỏng vấn: Thực hiện phỏng vấn 05 GV và một số HS để làm rõ thêm kết quả khảo sát.

Phương pháp thống kê toán học: Xử lý số liệu bằng phần mềm Excel, sử dụng các chỉ số: tần suất, phần trăm, trung bình cộng để mô tả và so sánh dữ liệu.

Các số liệu khảo sát thu thập từ phiếu Anket đã được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2016. Các thao tác bao gồm nhập liệu, thống kê tần suất, tính phần trăm và trung bình cộng. Kết quả được trình bày dưới dạng biểu đồ cột và bảng tổng hợp nhằm trực quan hóa dữ liệu và phục vụ phân tích so sánh. Những phương pháp và công cụ trên được sử dụng để đảm bảo kết quả khảo sát sát với thực tiễn, hỗ trợ hiệu quả cho mục tiêu đề xuất giải pháp và thiết kế KHBD phù hợp.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thực trạng thiết kế kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 theo phương thức trải nghiệm

2.2.1.1. Mức độ tập huấn và tiếp cận của giáo viên

Khảo sát cho thấy 84,2% giáo viên (GV) đã từng tham gia các đợt tập huấn về dạy học trải nghiệm. Tuy nhiên, chỉ 36,8% GV cho biết nắm rõ nội dung và có khả năng vận dụng, trong khi 47,4% cho rằng nội dung tập huấn còn sơ lược, thiếu tính thực tiễn. Đáng chú ý, chưa có GV nào khẳng định tự tin áp dụng thành thạo phương thức này. Điều này cho thấy mặc dù đội ngũ GV đã có cơ hội tiếp cận phương thức trải nghiệm nhưng chất lượng tập huấn chưa đồng đều, chưa đủ để hình thành năng lực vận dụng thực sự.

2.2.1.2. Mức độ áp dụng phương thức trải nghiệm trong thiết kế kế hoạch bài dạy

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng 100% GV đã từng áp dụng phương thức trải nghiệm trong thiết kế KHBD môn TN&XH lớp 3. Tuy nhiên, chỉ 31,6% GV cho biết thường xuyên áp dụng, còn lại 68,4% chỉ áp dụng ở mức thỉnh thoảng. Qua đó phản ánh rằng phương thức trải nghiệm tuy đã được GV tiếp cận nhưng chưa trở thành thói quen thường xuyên trong công tác soạn giảng.

2.2.1.3. Mức độ chủ động của giáo viên trong việc thiết kế hoạt động trải nghiệm

Tất cả GV thực hiện khảo sát đều chủ động sáng tạo trong việc thiết kế hoạt động trải nghiệm. Cụ thể, có đến 57,8% GV khi thiết kế có tham khảo mẫu và điều chỉnh đôi chút khi xây dựng hoạt động trải nghiệm trong KHBD.

Cô Bùi Thị Bảo V. tổ trưởng tổ chuyên môn khối 3 chia sẻ: "Giáo viên vẫn còn khá lệ thuộc vào các kế hoạch bài dạy mẫu, chưa mạnh dạn đổi mới hoàn toàn cách thiết kế hoạt động. Thay vì tạo ra sản phẩm sư phạm riêng biệt, phù hợp đặc điểm lớp học, HS và mục tiêu cụ thể của bài học, giáo viên thường tìm kiếm những kế hoạch bài dạy mẫu và điều chỉnh lại cho phù hợp".

Bên cạnh đó, 26,4% GV chủ động sáng tạo hoạt động trải nghiệm phù hợp với bài học, và 15,8% GV cho biết họ tích cực xây dựng mới hoàn toàn các hoạt động trải nghiệm, không dựa trên mẫu sẵn có.

Kết quả phỏng vấn cho thấy một số GV đã chủ động và sáng tạo trong việc thiết kế hoạt động trải nghiệm. Cô Nguyễn Thị Hồng T. chia sẻ: "Trong quá trình thiết kế, tôi cố gắng tự nghĩ ra các trò chơi hoặc hoạt động vận dụng, phù hợp với nội dung bài học và khả năng của học sinh, chứ không dựa nhiều vào kế hoạch mẫu." Tương tự, cô Nguyễn Hoàng Khánh N. cũng cho biết: "Tôi thường xây dựng các hoạt động trải nghiệm có tính mới, như cho HS tham gia quan sát thực tế hoặc đóng vai để khắc sâu kiến thức."

Phân tích hai chia sẻ này cho thấy GV không chỉ dừng lại ở việc điều chỉnh kế hoạch có sẵn, mà còn tích cực sáng tạo hoạt động mới, chú trọng tính thực tiễn và phát huy vai trò chủ động của HS. Đây là minh chứng quan trọng cho thấy xu hướng đổi mới phương pháp dạy học trải nghiệm đã bắt đầu hình thành trong thực tiễn giảng dạy môn TN&XH ở tiểu học. Điều này thể hiện phần nào sự chuyển dịch từ tiếp cận thụ động sang tích cực, sáng tạo trong dạy học. Đây là cơ sở quan trọng để thúc đẩy đổi mới phương pháp, phát triển năng lực thiết kế bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.2.1.4. Khó khăn trong thiết kế kế hoạch bài dạy

Kết quả khảo sát cho thấy 47,4% GV gặp khó khăn khi tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp với nội dung, 26,3% thiếu tài liệu hướng dẫn, 15,8% khó khăn khi dự kiến sản phẩm học tập và 10,5% gặp trở ngại trong xác định mục tiêu, năng lực. Qua đó, có thể nhận định rằng GV đang rất cần hệ thống KHBD mẫu có tính khả thi, kèm hướng dẫn chi tiết để tham khảo.

2.2.2. Thực trạng tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 theo phương thức trải nghiệm

2.2.2.1. Mức độ áp dụng phương thức trải nghiệm

Phương thức Thể nghiệm – Tương tác (gồm các hình thức như diễn đàn, hội thảo, đóng kịch, trò chơi học tập…) là hình thức được 78,9% GV lựa chọn. Trong khi đó, chỉ 21,1% GV áp dụng phương thức Khám phá, như tham quan, cắm trại hay thực địa – vốn là hình thức đậm chất trải nghiệm thực tế nhưng lại cần nhiều điều kiện về thời gian, tổ chức, an toàn và chi phí. Tiếp theo, có 5,3% GV lựa chọn phương thức Cống hiến, như hoạt động tình nguyện, lao động công ích hay tuyên truyền cộng đồng. Cuối cùng, phương thức Nghiên cứu (gồm khảo sát, điều tra, dự án sáng tạo…) được 36,8% GV vận dụng, chứng tỏ một số GV đã có sự đầu tư để phát triển tư duy và năng lực giải quyết vấn đề cho HS.

2.2.2.2. Địa điểm tổ chức dạy học

Kết quả khảo sát cho thấy 100% tiết học TN&XH được tổ chức trong lớp, không có tiết học nào diễn ra ngoài sân trường, phòng thí nghiệm hay qua các chuyến tham quan. Điều này chứng tỏ không gian học tập của HS còn bó hẹp, chưa khai thác được lợi thế từ môi trường thực tiễn, trong khi HS lại có nhu cầu cao được học ngoài lớp học.

2.2.2.3. Các hình thức học tập học sinh được tham

HS bày tỏ yêu thích nhất các hoạt động: đi thực tế (24,7%), làm thí nghiệm (20,9%), trò chơi học tập (17,7%). Trong khi đó, hoạt động thường xuyên được tổ chức như thảo luận nhóm, đóng vai lại ít được HS lựa chọn là hoạt động yêu thích (chỉ 2,3% và 2,8%). Điều này cho thấy giữa hoạt động HS thường được tham gia và hoạt động HS mong muốn tham gia có sự chênh lệch đáng kể.

2.2.2.4. Khó khăn của giáo viên trong tổ chức dạy học theo phương thức trải nghiệm

Kết quả phản ánh phần lớn GV đều gặp phải các trở ngại nhất định, trong đó có những yếu tố

mang tính khách quan và cả chủ quan. Cụ thể, 73,7% GV cho rằng họ thiếu thời gian trong tiết học, đây là khó khăn phổ biến nhất. Điều này phản ánh thực tế rằng hoạt động trải nghiệm thường chiếm nhiều thời lượng để tổ chức, hướng dẫn, thực hiện và phản hồi sản phẩm của HS, trong khi chương trình và khung thời gian dạy học hiện nay vẫn chưa thật sự linh hoạt, đặc biệt với môn TN&XH lớp 3 gồm 2 tiết/tuần. 42,1% GV gặp khó khăn vì thiếu trang thiết bị/dụng cụ phục vụ cho hoạt động trải nghiệm, trong khi 36,8% cho rằng khó kiểm soát lớp học khi tổ chức các hoạt động nhóm, hoạt động ngoài trời hoặc hoạt động có tính tương tác cao. Những con số này cho thấy điều kiện tổ chức trải nghiệm hiện nay tại các trường tiểu học còn nhiều hạn chế, bao gồm cả cơ sở vật chất lẫn kỹ năng quản lý lớp học linh hoạt của GV. Ngoài ra, 26,3% GV cho rằng HS chưa có kỹ năng trải nghiệm, chẳng hạn như kỹ năng hợp tác, quan sát, thảo luận nhóm, trình bày kết quả…, dẫn đến việc tổ chức hoạt động dễ bị rối, kém hiệu quả. Chỉ 5,3% GV cho rằng nội dung bài học không phù hợp với PTTN, điều này cho thấy phần lớn GV đã nhận thức rõ rằng các chủ đề trong môn TN&XH lớp 3 hoàn toàn có thể thiết kế dưới dạng trải nghiệm, nếu có cách tiếp cận phù hợp.

2.3. Thực trạng nhu cầu sử dụng kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 theo phương thức trải nghiệm trong dạy học

2.3.1. Nhu cầu sử dụng kế hoạch bài dạy theo phương thức trải nghiệm của giáo viên

Kết quả khảo sát cho thấy rằng 100% GV tham gia khảo sát đều có nhu cầu sử dụng KHBD theo PTTN ở các mức độ khác nhau. Trong số đó, tỷ lệ GV có nhu cầu rõ ràng và rất cao chiếm tổng cộng 73,7%. Cụ thể, có 47,4% GV khẳng định họ có nhu cầu rõ ràng, 26,3% cho biết họ có nhu cầu nhưng chưa cụ thể, và 26,3% GV bày tỏ nhu cầu rất cao, thậm chí mong muốn áp dụng ngay vào dạy học thực tế. Việc 26,3% GV bày tỏ mong muốn áp dụng ngay cho thấy phương thức này không chỉ còn là xu hướng đổi mới lý thuyết mà đã bắt đầu trở thành nhu cầu nghề nghiệp gắn với thực tiễn giảng dạy.

Kết quả phỏng vấn cho thấy giáo viên có nhu cầu cao đối với việc được cung cấp các kế hoạch bài dạy theo hướng trải nghiệm. Cô Nguyễn Thị Hồng T. chia sẻ: "Tôi rất mong có những kế hoạch bài dạy sẵn theo hướng trải nghiệm để tham khảo, vì nhiều khi muốn làm nhưng không biết bắt đầu từ đâu. Nếu có tài liệu rõ ràng thì tôi sẽ áp dụng ngay."

Qua phân tích, có thể nhận thấy hai xu hướng chính: (1) GV gặp khó khăn trong việc tự thiết kế hoạt động trải nghiệm do thiếu định hướng cụ thể; (2) nhu cầu tham khảo các KHBD mẫu rất rõ ràng. Điều này phản ánh mong muốn chung của đội ngũ GV tiểu học: được hỗ trợ bằng những tài liệu thiết kế khoa học, khả thi, để từ đó có thể áp dụng và sáng tạo thêm trong quá trình dạy học. Điều này cũng chứng tỏ phương pháp này không chỉ còn là lý thuyết đổi mới, mà đã trở thành một đòi hỏi thiết thực trong thực hành nghề nghiệp.

2.3.2. Nguồn tài liệu và phương pháp xây dựng kế hoạch bài dạy

63,2% GV lựa chọn nguồn Internet (website, nhóm chuyên môn...) là kênh tham khảo chính. Đây là một tỷ lệ cao, phản ánh xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ sang các nền tảng chia sẻ trực tuyến và học hỏi qua mạng trong bối cảnh hiện nay. Ngoài ra, 52,6% GV sử dụng sách hướng dẫn – tài liệu tham khảo và 42,1% tiếp cận từ tài liệu chính thức của Bộ Giáo dục và đào tạo hoặc Sở Giáo dục. Điều này cho thấy, dù tài liệu chính thống vẫn giữ vai trò nhất định, nhưng GV ngày càng có xu hướng tìm kiếm thêm các tài liệu ngoài chương trình, mang tính linh hoạt và thực tiễn cao hơn. Bên cạnh đó, 42,1% GV học hỏi từ đồng nghiệp, cho thấy vai trò quan trọng của mạng lưới chia sẻ chuyên môn trong nhà trường và tổ chuyên môn. Cuối cùng, 26,3% GV tự thiết kế KHBD dựa trên kinh nghiệm cá nhân. Như vậy, Internet đang trở thành nguồn tham khảo chính, nhưng lại tiềm ẩn rủi ro về độ tin cậy và thiếu tính hệ thống.

2.3.3. Đặc điểm và hình thức kế hoạch bài dạy giáo viên mong muốn

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy đa số giáo viên (GV) mong muốn kế hoạch bài dạy (KHBD) trải nghiệm được thiết kế cụ thể, rõ ràng và có tính thực tiễn cao. Cụ thể, 68,4% GV mong muốn KHBD có hướng dẫn chi tiết từng hoạt động; 63,2% mong muốn kế hoạch phù hợp với thực tế lớp học, dễ triển khai trong điều kiện cơ sở vật chất, thời gian và trình độ học sinh hiện có; 52,6% lựa chọn KHBD đi kèm học liệu trực quan

như tài liệu, hình ảnh, thiết bị hỗ trợ; và 42,1% mong muốn cấu trúc rõ ràng, dễ áp dụng. Ngoài ra, 36,8% GV cũng nhấn mạnh tính linh hoạt, dễ điều chỉnh là một yêu cầu quan trọng, phản ánh nhu cầu vừa có khuôn mẫu, vừa có không gian sáng tạo. Ý kiến phỏng vấn điển hình, như cô Nguyễn Thị Hà P., khẳng định mong muốn có mẫu KHBD chi tiết, kèm gợi ý sản phẩm và hình ảnh minh họa, giúp GV tiết kiệm thời gian soạn giảng. Từ đó, có thể rút ra hai đặc điểm cơ bản: (1) KHBD cần chi tiết, trực quan, minh họa rõ ràng; (2) đảm bảo tính khả thi, dễ điều chỉnh để giảm áp lực cho GV.

Về hình thức tiếp cận, GV có nhu cầu đa dạng. 52,6% ưu tiên nhận file mềm/PDF để thuận tiện chỉnh sửa và chia sẻ; 42,1% mong muốn tập huấn trực tiếp nhằm có hướng dẫn cụ thể, trao đổi và thực hành; cùng tỷ lệ tương tự (42,1%) lựa chọn khóa học online, phản ánh sự thích nghi với xu hướng đào tạo từ xa; 36,8% đề cao mạng lưới chia sẻ chuyên môn; trong khi chỉ 26,3% vẫn chọn bản in. Ý kiến phỏng vấn, như cô Thạch Thị Thanh T., cho thấy sự kết hợp giữa học liệu số và tập huấn trực tiếp (blended learning) là xu hướng phù hợp.

III. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát cho thấy dạy học trải nghiệm trong môn TN&XH lớp 3 đã được GV quan tâm và bước đầu áp dụng, song mức độ còn hạn chế, chưa đồng đều và chưa trở thành thói quen thường xuyên trong thiết kế, tổ chức dạy học. HS thể hiện hứng thú rõ rệt với các hoạt động trải nghiệm gắn với thực tiễn, nhưng phần lớn chỉ dừng lại ở các hoạt động trong lớp học, thiếu cơ hội được tham gia thực tế ngoài môi trường trường học. Những khó khăn phổ biến mà GV gặp phải chủ yếu đến từ thời gian, cơ sở vật chất, học liệu và kỹ năng tổ chức.

Kết quả nghiên cứu phản ánh khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn, đồng thời khẳng định tính cấp thiết của việc xây dựng hệ thống KHBD môn TN&XH lớp 3 theo phương thức trải nghiệm. Việc thiết kế các KHBD chi tiết, cụ thể, gắn với điều kiện thực tế lớp học, đồng thời đi kèm học liệu trực quan và hướng dẫn triển khai, sẽ là cơ sở quan trọng để hỗ trợ GV, nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Association for Experiential Education. (2020). *What is experiential education?* Retrieved June 18, 2025, from https://www.aee.org/what-is-ee

Bộ Giáo dục và Đào tạo [MOET]. (2018a). *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể.* Hà Nội: NXB Giáo dục.

Bộ Giáo dục và Đào tạo [MOET]. (2018b). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và Xã hội.* Hà Nội: NXB Giáo dục.

Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development.* Prentice-Hall.

Kolb Y. A and Kolb D, (2008), *Experiential Learning Theory: A dynamic, holistic approach to management learning, education and development, Department of Organizational Behaviour* - Case Western Reserve University.

Lewin, K. (1946). Action research and minority problems. *Journal of Social Issues*, 2(4), 34–46. https://doi.org/10.1111/j.1540-4560.1946.tb02295.x

Nguyễn Phan Lâm Quyên (2022). Thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học ở các trường tiểu học tại thành phố Đà Nẵng và một số đề xuất. *Tạp chí Giáo dục,* 22(15), 30–35.

Trần Thị Gái. (2017). Vận dụng mô hình trải nghiệm của David Kolb để xây dựng chu trình hoạt động trải nghiệm trong dạy học sinh học ở trường phổ thông. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội,* 33(3), 1–6.

Trần Thị Kim Cúc - Nguyễn Phan Lâm Quyên. (2017). Phát triển năng lực dạy học theo hướng trải nghiệm cho giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. *Tạp chí Khoa học,* tập 46, số 3B, 20-28. Trường Đại học Vinh.

Vũ Thị Ngọc Uyên. (2013). Vận dụng mô hình giáo dục trải nghiệm của David A. Kolb vào dạy học môn Tự nhiên và xã hội ở tiểu học. *Tạp chí Giáo dục*, (Số 314, kì 2), 36–38.